

VÀI Ý KIẾN VỀ XÂY DỰNG VÀ ĐÀO TẠO CHUYÊN NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

TRẦN ĐÌNH TUẤN

Tại Mỹ, vào năm 1898, trường Phúc Thiện Mùa Hè được Hội các tổ chức từ thiện New York thiết lập. Chương trình huấn luyện dài 6 tuần lễ của trường này đánh dấu sự ra đời của giáo dục công tác xã hội Mỹ. Ở miền Nam Việt Nam, từ thập niên 60 của thế kỷ trước đã có hai trường đào tạo cán sự xã hội do cơ quan từ thiện Caritas của Pháp và đại học Vạn Hạnh thiết lập. Ngoài hai trường tư này còn có một trường công do giáo sư Phạm thị Tụ làm giám đốc. Chương trình đào tạo của trường Caritas dài ba năm, gồm các môn luật phổ thông, luật gia đình, môi trường xã hội, những vấn đề xã hội qua các thời kỳ lịch sử, kiến thức tổng quát về y khoa và dinh dưỡng, phương pháp chẩn đoán các bệnh thông thường, cách đo huyết áp, cách chích thuốc, phương pháp cấp cứu, băng bó vết thương... Trường công của giáo sư Phạm thị Tụ có chương trình đào tạo riêng kéo dài hai năm. Những chương trình đào tạo này phản ánh nhu cầu công tác xã hội thời bấy giờ ở miền Nam chủ yếu do chiến tranh gây ra.

Sau một thời gian gián đoạn, công tác xã hội đã được đưa vào giảng dạy tại đại học Đà Lạt vào năm 2003. Từ đó đến nay, môn công tác xã hội đã có mặt tại hầu hết các đại học trong cả nước. Tương tự các nước phát triển sau ở Á châu và Trung Đông vào nửa sau của thế kỷ 20, các đại học ở Việt Nam hiện nay đang bắt đầu xây dựng nền giáo dục công tác xã hội dựa trên khối kiến thức của Âu Mỹ. Đây là một quá trình và vì đi sau, chúng ta có thể học hỏi được kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới.

Walton và Abo El Nasr (1988) đã chia quá trình xây dựng này ra làm ba giai đoạn:

Giai đoạn 1 - Du nhập kiến thức (transmission stage): các nước đang phát triển du nhập nguyên văn kiến thức công tác xã hội của Âu Mỹ với niềm tin là do tính cách khoa học của nó, kiến thức này có thể được dùng để giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi công tác xã hội của con người nói chung, không phân biệt địa phương hay chủng tộc.

Giai đoạn 2 - Địa phương hóa (indigenization stage): các nước đang phát triển nhận ra những nét không phù hợp của kiến thức và cách giải quyết các vấn nạn trong công tác xã hội của Âu Mỹ đối với thực trạng xã hội của địa phương và bắt đầu việc chỉnh sửa để xây dựng ngành công tác xã hội phù hợp với văn hóa bản xứ.

Giai đoạn 3 - Hoàn chỉnh (authentization): các nhà giáo dục và hoạt động Công tác xã hội không chỉ thuần túy chỉnh sửa mô hình nhập cảng từ Âu Mỹ mà trở nên sáng tạo và đề ra được những lý thuyết mới, cách giải quyết mới phù hợp với những giá trị trong nền

văn hóa địa phương. Kết quả của giai đoạn này là một nền công tác xã hội độc đáo phản ánh thực tế văn hóa, kinh tế, chính trị của địa phương.

Trung Quốc, nước láng giềng có nhiều điểm tương đồng với Việt Nam về văn hóa, chính trị và kinh tế, đã khởi công xây dựng nền công tác xã hội theo kiểu Tây phương từ đầu thập niên 80. Mặc dù vậy, đến cuối thế kỷ 20, nhiều học giả Trung Quốc vẫn còn hồ nghi và thậm chí còn không tin có thể áp dụng những lý thuyết công tác xã hội phương Tây vào xã hội Trung Quốc (Yan 1991). Một số học giả Trung quốc còn cho rằng Trung Quốc đã có sẵn nền công tác xã hội đặc thù của mình (Wang, 1991; Gao, 1999; Guo, 1999): công việc của các đoàn thể phụ nữ, thanh niên, công nhân, phụ lão... rất giống với công tác xã hội phương Tây. Ngoài ra, cho đến nay, giới học thuật Trung Quốc không có cố gắng đáng kể nào trong việc phân tích kinh nghiệm xây dựng công tác xã hội của các nước đang phát triển như Ấn Độ, Ai Cập, Do Thái, và một số nước Phi châu. Đóng góp vào công việc này là cố gắng của các học giả gốc Trung Quốc ở Âu Mỹ, Canada, Singapore, và Hong Kong. Những học giả này đang có ảnh hưởng mạnh mẽ đến giai đoạn hai là giai đoạn chỉnh sửa và địa phương hóa công tác xã hội đang diễn ra ở Trung Quốc (Maria Cheung và Meng Liu, 2000).

Vào đầu thập niên 80, khi Trung Quốc bắt đầu dè dặt tái tục nền giáo dục công tác xã hội (đã gián đoạn từ sau khi thành lập nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa năm 1949), các đại học ở Hàn Quốc đã ô ạt dịch thuật sách giáo khoa công tác xã hội của Mỹ sang tiếng Hàn. Để dịch nhanh, những sinh viên công tác xã hội có khả năng Anh ngữ được giao công tác này, mỗi nhóm sinh viên dịch một cuốn và được điểm cho lớp học. Chính nhờ phương pháp này, Nam Triều Tiên đã thực hiện được giai đoạn đầu (thu nhập kiến thức) của việc xây dựng nền công tác xã hội phù hợp nhằm kịp thời giải quyết những vấn nạn xã hội gây ra bởi tình trạng phát triển kinh tế bộc phát.

Prager (1985:136) đã trình bày trong phần thảo luận về giai đoạn địa phương hóa công tác xã hội ở Do Thái: “Nếu sự giúp đỡ, với tất cả những khác biệt tinh tế của nó, phải phù hợp với bản sắc văn hóa của người được giúp đỡ, thì nền giáo dục hữu hiệu cho nghề công tác xã hội phải được xây dựng từ bên trong biên giới đất nước của chúng ta”. Cùng chung quan điểm này, một số đông học giả từ các nước đang phát triển ở Ấn Độ, Ai Cập, Do Thái và Phi châu đã đề ra những hướng dẫn sau cho việc xây dựng nền giáo dục công tác xã hội ở các nước đang phát triển (Prager, 1985; Hammond, 1988; Walton và Abo El Nasr, 1988; Ragab, 1990; Nagpaul, 1993; Osei-Hwedie, 1993; Ho, 1998; Nimmagadda và Cowger, 1999):

1) Vì lý do làm việc với con người cần phương pháp và kỹ năng địa phương, giáo dục công tác xã hội phải được xây dựng trên một nền móng bản địa, gồm triết lý, lý thuyết, nguyên tắc làm việc và giải quyết vấn đề, và tài liệu học tập.

2) Các nhà giáo dục công tác xã hội tại các nước đang phát triển cần cân nhắc các vấn đề phát triển và cấu trúc xã hội, và phương pháp giải quyết các vấn nạn bằng các phương

thức quen thuộc với những người làm công tác xã hội và cộng đồng địa phương. Họ cần thiết lập những chiến lược riêng thích ứng với hoàn cảnh kinh tế, xã hội, chính trị, và tâm lý địa phương.

3) Để công tác xã hội giữ được vai trò hữu hiệu, các nhà giáo dục công tác xã hội cần xác định trọng tâm, nền tảng kiến thức và giá trị của công tác xã hội thực hành. Trong quá trình du nhập kiến thức và thực hành từ các nước phát triển, các nhà giáo dục công tác xã hội cần hoàn chỉnh những khái niệm tây phương như “cộng đồng”, và “con người trong môi trường sống”. Họ cần bổ sung và phát triển khung triết lý và những phương pháp công tác xã hội bắt nguồn từ những nội dung xã hội - văn hóa thực hành.

4) Giáo dục công tác xã hội phải đề cập kinh nghiệm lịch sử và văn hóa cũng như thực trạng cuộc sống của quần chúng; tôn trọng những niềm tin và tập quán của quốc gia. Giáo dục công tác xã hội cần lưu ý nhu cầu, niềm tin, giá trị, truyền thống, mục đích, vai trò, và lý tưởng của người dân.

5) Giáo dục công tác xã hội phải trân trọng tính cách chuyên môn của cộng đồng và các tài nguyên cộng đồng trong việc cung cấp dịch vụ xã hội. Thực hành công tác xã hội phải phản ánh ý kiến đóng góp và tập quán của địa phương.

Bên cạnh những nguyên tắc chung, áp dụng được trong đại đa số các nền văn hóa, thí dụ “giúp khách hàng để khách hàng có thể tự lập” hoặc “tôn trọng khách hàng”, “bảo vệ đời tư của khách hàng”... cũng có những thí dụ cho thấy một số cách tiếp cận của công tác xã hội Tây phương không thích hợp với văn hóa Đông phương, thí dụ khi tìm kiếm tư vấn tâm lý, phụ nữ Trung Quốc muốn được cho những lời khuyên trực tiếp để giải quyết vấn nạn của mình, trái với phụ nữ Tây phương chỉ muốn nhờ tư vấn giúp hiểu thấu tâm lý bản thân qua vấn nạn, để tự mình thăm dò và chọn lựa những giải pháp cho vấn nạn của bản thân (Meng Liu, 1996). Dị biệt này bắt nguồn từ hai nền văn hóa khác nhau: Đông phương chịu ảnh hưởng tổ chức gia đình Nho giáo có thứ tự trên dưới, không khuyến khích phụ nữ suy nghĩ độc lập; Tây phương trái lại tập cho phụ nữ cách sống bình đẳng và độc lập từ bé.

Một thí dụ khác về khác biệt văn hóa Đông Tây là khái niệm về hành hạ ngược đãi trẻ em (child abuse). Ở Âu Mỹ tất cả các động chạm vào bộ phận sinh dục của đứa bé, bất kể trai gái, bất kể đứa bé là sơ sinh hay ở tuổi thiếu niên, và bất kể người động chạm là ông bà cha mẹ, người trong gia đình hay người ngoài, đều bị coi là lạm dụng tình dục và đòi hỏi sự can thiệp của luật pháp và công tác xã hội. Nguyên tắc này tất nhiên không thể áp dụng ở Việt Nam vì trong văn hóa Việt Nam động chạm vào bộ phận sinh dục của đứa trẻ trai là thông thường và không mang ý nghĩa tình dục. Thực tế là vào năm 1996, khi một người cha gốc Việt ở thành phố Vallejo, bang California, bị đưa ra tòa về tội “lạm dụng tình dục” lần lượt cả bốn đứa con trai qua hành vi sờ mó bộ phận sinh dục của chúng khi chúng là đứa bé nhất trong nhà, một người Việt khác cũng ở Vallejo đã làm

chúng với tòa “Nếu người cha này bị kết tội thì tất cả cộng đồng Việt Nam của chúng tôi ở đây ai cũng phải bị kết tội lạm dụng tình dục trẻ em hết”!

Mặt khác, những cách tiếp cận trong công tác xã hội mặc dù hết sức thực tế của Âu Mỹ cũng có những mặt trái. Thí dụ chính sách an sinh xã hội trợ cấp tiền mặt cho gia đình nghèo có con nhỏ ở Mỹ không giúp củng cố định chế gia đình: nhiều người ăn ở với nhau không hôn thú để thu nhập của người cha không bị tính vào thu nhập của gia đình và vì vậy người mẹ có thể xin được trợ cấp cho gia đình nghèo. Chính sách trả tiền mặt cho con cái chăm sóc cha mẹ già yếu giúp giảm được chi phí bệnh viện cho chính phủ và tạo điều kiện cho người già được sống cùng gia đình thay vì phải vào viện dưỡng lão. Mặc dù vậy chính sách này cũng gây ra những thảm cảnh, khi con cái chỉ giúp chăm sóc cha mẹ già yếu khi được chính phủ trả công.

Tóm lại, việc xây dựng một nền công tác xã hội hiệu quả là một quá trình không đơn giản. Trung Quốc đi trước Việt Nam khoảng 20 năm nhưng hiện nay cũng chỉ mới bắt đầu giai đoạn hai của quá trình này (giai đoạn chỉnh sửa kiến thức du nhập từ Tây phương để địa phương hóa công tác xã hội cho phù hợp với văn hóa và áp dụng một cách hiệu quả đối với người Trung Quốc).

Việt Nam có thể tiến nhanh trong quá trình xây dựng nền công tác xã hội hiện đại bằng cách mạnh dạn sử dụng những giá trị và cách tiếp cận có tính toàn cầu của kiến thức du nhập từ phương Tây, thí dụ các biện pháp giáo dục, tư vấn song song với biện pháp trừng phạt gắt gao đối với tệ bạo hành trong gia đình (ở Mỹ bạo hành trong gia đình là một tội phạm ảnh hưởng đến an sinh của xã hội, và vì vậy nạn nhân không có quyền bãi nại).

Một kinh nghiệm khác Việt Nam cũng có thể học được từ Âu Mỹ và các nước đang phát triển khác là *tính hữu hiệu hơn hẳn của công tác xã hội tư nhân so với công tác xã hội do Nhà Nước đứng ra trực tiếp thực hiện*. Ở Mỹ từ giữa thế kỷ 20 đã xuất hiện mô hình tư nhân và Nhà Nước cùng chia sẻ trách nhiệm về công tác xã hội, Nhà Nước thường cung cấp ngân khoản tài trợ và đặt ra các quy định để tư nhân đứng ra trực tiếp cung cấp dịch vụ công tác xã hội cho người dân.

Ngoài ra, Việt Nam cũng có thể tiến nhanh bằng cách sử dụng mạng lưới công tác xã hội truyền thống sẵn có như hội phụ nữ, đoàn thanh niên... để cung cấp các dịch vụ công tác xã hội, nhất là các dịch vụ phòng chống tệ nạn xã hội, bảo vệ người già, phụ nữ, trẻ em, và các cộng đồng yếu thế./.

Tài liệu tham khảo

1. Hammond, H.R. (1988) 'Social Work Education in Developing Countries: Issues and Problems in Undergraduate Curricular', *International Work* 31(3): 195-21
2. Jinchao, Y. (1995) 'The Developing Models of Social Work Education in China', *International Social Work* 38: 27-38.
3. Nagpaul, H. (1993) 'Analysis of Social Work Teaching Material in India: the Need for Indigenous Foundations', *International Social Work* 36: 207-20.
4. Nimmagadda, J. and C. Cowger (1999) 'Cross-cultural Practice: Social Worker Ingenuity in the Indigenization of Practice Knowledge', *International Social Work* 42(3): 261-76
5. Osei-Hwedie, K. (1993) 'The Challenge of Social Work in Africa: Starting the Indigenization Process', *Journal of Social Development in Africa* 8(1): 19-30
6. Prager, E. (1985) 'American Social Work Imperialism: Consequences for Professional Education in Israel', *Journal of Jewish Communal Service* 61: 129-38.
7. Ragab \, I. (1990) 'How Social Work Can Take Root in Developing Countries', *Social Development Issues* 12(3): 38-51.
8. Ragab, I. (1982) *Authentization of Social Work in Developing Countries*. Tanta, Egypt: Integrated Social Services Project.
9. Sun, L.Y. (1998) 'The Development of Social Work in China' *China Social Work* 1:26-9.
1. 10. Walton & Abo El Nasr (1988) 'Indegenization and Authetization in terms of Social Work in Egypt'.